

Số: 170 /KH-UBND

Gia Lâm, ngày 20 tháng 5 năm 2021

**KẾ HOẠCH**

**Tuyển sinh vào các trường mầm non, lớp 1, lớp 6 năm học 2021-2022  
trên địa bàn huyện Gia Lâm**

Căn cứ các văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT): Điều lệ trường mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020; Căn cứ Điều lệ trường tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020; Điều lệ trường trung học cơ sở (THCS), trung học phổ thông (THPT) và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020; Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở GDĐT thuộc hệ thống giáo dục quốc dân ban hành kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017; Quy chế tuyển sinh THCS và tuyển sinh THPT ban hành kèm theo Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 03/5/2019;

Căn cứ Công văn số 1199/SGDĐT-QLT ngày 13/4/2021 của Sở GDĐT Hà Nội về việc hướng dẫn tuyển sinh vào các trường mầm non, lớp 1 và lớp 6 năm học 2021-2022;

Căn cứ Phương án số 03/PA-UBND ngày 29/4/2021 của UBND huyện Gia Lâm về phân tuyến tuyển sinh vào các trường mầm non, lớp 1, lớp 6 năm học 2021-2022;

Căn cứ Kế hoạch tuyển sinh của các trường mầm non, tiểu học, THCS trên địa bàn huyện;

Ủy ban nhân dân huyện Gia Lâm ban hành Kế hoạch tuyển sinh vào các trường mầm non, lớp 1 và lớp 6 năm học 2021-2022 trên địa bàn huyện, cụ thể như sau:

**A. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU**

1. Tổ chức tuyển sinh đúng Quy chế, đảm bảo chính xác, công bằng, khách quan, hướng dẫn tuyển sinh đầy đủ, rõ ràng, công khai tạo thuận lợi cho học sinh và cha mẹ học sinh; góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở các cấp học; duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập một năm trẻ mẫu giáo 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học và THCS.

2. Điều tra chính xác số trẻ ở từng độ tuổi trên địa bàn, phân tuyến và giao chỉ tiêu hợp lý, đảm bảo đủ chỗ học cho học sinh, tránh tình trạng quá tải ở một số trường. Thực hiện công khai kế hoạch tuyển sinh, đảm bảo năm rõ: tuyến tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, thời gian tuyển sinh, phương thức tuyển sinh và trách nhiệm trong công tác tuyển sinh.



3. Tiếp tục thực hiện các giải pháp nhằm: tăng quy mô tuyển sinh, tăng chất lượng công tác tuyển sinh, tăng cường cơ sở vật chất cho các trường học; giảm số học sinh trái tuyển, giảm số học sinh/lớp; tăng số học sinh được học 2 buổi/ngày.

4. Các trường tuyệt đối không được vận động, quyên góp và thu các khoản ngoài quy định khi tuyển sinh.

5. Cá nhân chịu trách nhiệm với nhiệm vụ được giao trước cấp trên trực tiếp; thủ trưởng đơn vị là người chịu trách nhiệm cuối cùng về công tác tuyển sinh.

## **B. NỘI DUNG**

### **I. Tuyển sinh vào các trường mầm non**

#### **1. Yêu cầu về tuyển sinh**

1.1. Các trường thông báo công khai chỉ tiêu tuyển sinh, thời gian tuyển sinh trẻ mầm non ở từng độ tuổi và tổ chức tiếp nhận trẻ em trong độ tuổi trên địa bàn dân cư theo quy định.

1.2. Các trường phối hợp với UBND xã, thị trấn về công tác tuyển sinh, phối hợp với các đơn vị khác trên địa bàn, dưới sự chỉ đạo của UBND xã, thị trấn, tổ chức tuyên truyền sâu rộng trong các tổ dân phố, thôn, xóm về chỉ tiêu tuyển sinh, thời gian tuyển sinh ở từng độ tuổi để cha mẹ của trẻ hiểu rõ, tránh gây áp lực cho công tác tuyển sinh, đưa trẻ đến trường nhập học theo đúng độ tuổi và tuyển tuyển sinh quy định.

1.3. Về số trẻ trong một nhóm trẻ hoặc lớp mẫu giáo thực hiện theo quy định điều 13 Điều lệ trường mầm non. Trường hợp số trẻ trên địa bàn đăng ký học vượt quá quy định tại điều 13 thì số trẻ trong mỗi nhóm, lớp có thể tăng thêm nhưng phải đảm bảo được tỷ lệ số giáo viên/trẻ/nhóm, lớp theo quy định tại Điều lệ và diện tích phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em đảm bảo theo qui định.

1.4. Các trường tuyệt đối không tổ chức dạy trước chương trình lớp 1 cho trẻ.

#### **2. Hồ sơ tuyển sinh**

- Phiếu đăng ký dự tuyển (theo mẫu) đối với trường hợp tuyển sinh bằng hình thức trực tiếp, in phiếu trên hệ thống đối với trường hợp tuyển sinh bằng hình thức trực tuyến;

- Bản sao giấy khai sinh hợp lệ;

- Bản photô Sổ hộ khẩu (không cần công chứng, kèm theo bản chính để đối chiếu) hoặc giấy hẹn đã hoàn thành thủ tục nhập khẩu của công an huyện hoặc xác nhận cư trú tại địa bàn của công an cấp xã, thị trấn.

#### **3. Thời gian tuyển sinh**

- Tuyển sinh trực tuyến trẻ 5 tuổi vào trường mầm non: Từ ngày 15/7/2021 đến hết ngày 17/7/2021;

- Tuyển sinh trực tiếp: Từ ngày 23/7/2021 đến hết ngày 28/7/2021.

#### **4. Chỉ tiêu và địa bàn tuyển sinh** (đính kèm phụ lục PL1a-tktsMN)

### **II. Tuyển sinh vào lớp 1, lớp 6**

**1. Phương thức tuyển sinh:** Thực hiện phương thức xét tuyển theo tuyển sinh do UBND huyện quy định; tiếp tục sử dụng phần mềm hỗ trợ tuyển sinh trực tuyến trên toàn Thành phố.

**2. Đối tượng dự tuyển vào lớp 6:** những học sinh (HS) đã hoàn thành chương trình tiểu học.

#### **3. Độ tuổi:**

a) Lớp 1: Tuổi của trẻ vào học lớp 1 là 6 tuổi (sinh năm 2015). Trẻ em khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trẻ em ở nước ngoài về nước có thể vào học lớp 1 ở độ tuổi từ 7 đến 9 tuổi. Tuyệt đối không được nhận trẻ thiếu tuổi vào lớp 1.

b) Lớp 6:

- Tuổi của học sinh vào học lớp 6 là 11 tuổi (sinh năm 2010)

- Những trường hợp đặc biệt:

+ Những học sinh được học vượt lớp hoặc học sinh được vào tiểu học ở độ tuổi cao hơn tuổi quy định ở tiểu học thì tuổi vào lớp 6 được giảm hoặc tăng căn cứ vào tuổi của năm hoàn thành chương trình tiểu học;

+ Học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật, học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, học sinh ở nước ngoài về nước có thể vào cấp học ở tuổi cao hơn 03 tuổi so với tuổi qui định.

+ Học sinh không được lưu ban quá hai lần trong một cấp học.

#### **4. Hồ sơ tuyển sinh:**

a) Lớp 1:

- Phiếu đăng ký dự tuyển vào lớp 1 (theo mẫu) đối với trường hợp tuyển sinh bằng hình thức trực tiếp hoặc in phiếu trên hệ thống đối với trường hợp tuyển sinh bằng hình thức trực tuyến;

- Bản sao giấy khai sinh hợp lệ;

- Bản phôtô Sổ hộ khẩu (không cần công chứng, kèm theo bản chính để đối chiếu) hoặc giấy hẹn đã hoàn thành thủ tục nhập khẩu của công an Huyện hoặc giấy xác nhận cư trú tại địa bàn của công an xã, thị trấn.

b) Lớp 6:

- Phiếu đăng ký dự tuyển vào lớp 6 (theo mẫu) đối với trường hợp tuyển sinh bằng hình thức trực tiếp hoặc in phiếu trên hệ thống đối với trường hợp tuyển sinh bằng hình thức trực tuyến;

- Bản sao giấy khai sinh hợp lệ;

- Bản phôtô Sổ hộ khẩu (không cần công chứng, kèm theo bản chính để đối chiếu) hoặc giấy hẹn đã hoàn thành thủ tục nhập khẩu của công an Huyện hoặc giấy xác nhận cư trú tại địa bàn của công an xã, thị trấn.

- Bản chính học bạ tiểu học hoặc các hồ sơ khác có giá trị thay thế học bạ.
- Quyết định cho phép học vượt lớp (nếu có).

### **5. Thời gian tuyển sinh**

- Tuyển sinh trực tuyến vào lớp 1: Từ ngày 12/7/2021 đến hết ngày 14/7/2021;
- Tuyển sinh trực tuyến vào lớp 6: Từ ngày 18/7/2021 đến hết ngày 20/7/2021.
- Tuyển sinh bằng hình thức trực tiếp vào lớp 1, lớp 6: Từ ngày 23/7/2021 đến hết ngày 28/7/2021.

**6. Chỉ tiêu và địa bàn tuyển sinh** (đính kèm phụ lục PL1b\_tkts1 và phụ lục PL1c\_tkts6)

## **C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **I. Phân công trách nhiệm**

#### **1. Phòng Giáo dục và Đào tạo**

1.1. Chỉ đạo và tổ chức việc phối hợp giữa UBND các xã, thị trấn với các nhà trường trong công tác điều tra số trẻ trong độ tuổi tuyển sinh vào các trường mầm non, lớp 1, lớp 6; rà soát danh sách xã, tổ thôn, các khu dân cư, đô thị mới để đề nghị bổ sung, sửa đổi phục vụ phân tuyến tuyển sinh trên hệ thống phần mềm tuyển sinh; phân tuyến tuyển sinh hợp lý trên địa bàn, không để xảy ra hiện tượng quá tải ở các trường trên địa bàn. Số liệu điều tra về số học sinh trong độ tuổi tuyển sinh của các trường trên địa bàn phải được UBND và Công an xã, thị trấn xác nhận và chịu trách nhiệm về tính chính xác, là một cơ sở để Phòng GDĐT tham mưu UBND huyện trong công tác phân tuyến tuyển sinh.

1.2. Tổng hợp kế hoạch tuyển sinh của các trường trên địa bàn, tham mưu UBND huyện xây dựng Kế hoạch tuyển sinh theo hướng dẫn của Sở GDĐT, báo cáo Sở GDĐT về kế hoạch tuyển sinh đã được UBND huyện phê duyệt.

1.3. Triển khai kế hoạch tuyển sinh. Tổ chức hướng dẫn công tác tuyển sinh cho Hiệu trưởng các trường trên địa bàn.

1.4. Ban hành Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh của các trường.

1.5. Công khai việc phân tuyến tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, các quy định về độ tuổi, hồ sơ tuyển sinh tại các trường mầm non, tiểu học, THCS trên cổng thông tin điện tử của Ngành và phối hợp với UBND xã, thị trấn tuyên truyền, công khai trước khi bắt đầu tuyển sinh ít nhất 15 ngày để cha mẹ học sinh biết và chuẩn bị nộp hồ sơ nhập học cho học sinh tại các trường trên địa bàn.

1.6. Chỉ đạo các trường trên địa bàn tổ chức tuyển sinh theo đúng kế hoạch và hướng dẫn của Sở GDĐT, không tổ chức khảo sát học sinh đầu năm học, không tổ chức thi tuyển học sinh vào lớp 1. Kiểm soát chặt chẽ, hạn chế ở mức cao nhất việc tuyển sinh trái tuyến của các trường trên địa bàn, đặc biệt đối với các trường đã tuyển đủ chỉ tiêu được giao; đảm bảo số học sinh/lớp đúng quy định góp phần đẩy mạnh kế hoạch công nhận trường chuẩn quốc gia.

1.7. Chỉ đạo các trường cấp mã học sinh cho cha mẹ học sinh, hướng dẫn cha mẹ học sinh các bước đăng ký, tra cứu kết quả tuyển sinh trực tuyến.

1.8. Tiếp tục nghiên cứu, phối hợp với các phòng, ban, ngành và tham mưu UBND huyện về công tác luân chuyển cán bộ, giáo viên, xây dựng thêm trường và phòng học (đối với những địa phương chưa đủ phòng học theo quy định), tăng cường CSVC cho những trường khó khăn để đảm bảo chất lượng, nâng cao độ đồng đều giữa các trường. Không để xảy ra hiện tượng quá tải ở một số trường.

1.9. Thành lập Tổ công tác chỉ đạo và hỗ trợ công tác tuyển sinh trực tuyến vào các trường mầm non, lớp 1, lớp 6 năm học 2021-2022 trên địa bàn. Tiếp tục có biện pháp chỉ đạo các trường nhằm tăng cường tỷ lệ tuyển sinh trực tuyến. Tổ chức chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch tuyển sinh của các trường mầm non, tiểu học và THCS trên địa bàn, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm về công tác tuyển sinh.

1.10. Tham mưu UBND huyện chỉ đạo Công an trên địa bàn chủ động phối hợp với các trường trong công tác tuyển sinh; có phương án quản lý nhân khẩu, hộ khẩu hợp lý, thống nhất tạo điều kiện giúp cho công tác tuyển sinh của các trường được chính xác và khoa học.

1.11. Phối hợp chặt chẽ với trung tâm Y tế và các đơn vị liên quan tham mưu UBND huyện chỉ đạo, tổ chức thực hiện nghiêm túc các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 theo đúng chỉ đạo của Trung ương và Thành phố (trong trường hợp đến thời điểm tổ chức kỳ tuyển sinh năm học 2021-2022 vẫn còn ảnh hưởng bởi dịch Covid-19).

## **2. Các trường mầm non, tiểu học, THCS**

2.1. Chủ động phối hợp với UBND và Công an xã, thị trấn trong công tác điều tra số trẻ trong độ tuổi tuyển sinh; chủ động xây dựng kế hoạch tuyển sinh phù hợp với điều kiện nhà trường và báo cáo về Phòng GDĐT. Tham gia đầy đủ Hội nghị hướng dẫn về công tác tuyển sinh do Sở GDĐT, phòng GDĐT tổ chức hướng dẫn.

2.2. Thông báo công khai tại trường tuyển sinh do UBND huyện quy định; chỉ tiêu tuyển sinh và các quy định về độ tuổi, hồ sơ, thời gian tuyển sinh. Thực hiện nghiêm túc quy định tại Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GDĐT về thực hiện công khai đối với cơ sở GDĐT thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (công khai về cam kết chất lượng GDĐT, các điều kiện đảm bảo chất lượng và thu chi tài chính).

2.3. Tuyên truyền, hướng dẫn cho toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và cha mẹ học sinh về tuyển sinh trực tuyến.

2.4. Chuẩn bị cơ sở vật chất; thành lập Tổ công tác hỗ trợ và triển khai tuyển sinh của trường. Lãnh đạo nhà trường phân công cán bộ, giáo viên, nhân viên trực trong thời gian tuyển sinh để hướng dẫn, giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc, tạo thuận lợi cho học sinh và cha mẹ học sinh.

2.5. Thành lập Hội đồng tuyển sinh của trường trình Trường phòng GDĐT huyện ra Quyết định thành lập, thành phần gồm: Chủ tịch là Hiệu trưởng hoặc Phó hiệu trưởng, thư ký và một số ủy viên. Hội đồng tuyển sinh có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác tuyển sinh, đảm bảo khách quan, công khai và công bằng, tuyển đúng chỉ tiêu được giao.

2.6. Tổ chức cấp mã học sinh cho cha mẹ học sinh, hướng dẫn cha mẹ học sinh kiểm tra thông tin cá nhân, kết quả tuyển sinh của học sinh theo đúng quy định; đảm bảo bảo mật thông tin mã học sinh và mật khẩu; đảm bảo thông tin cá nhân và kết quả học tập, rèn luyện của học sinh phải chính xác và thống nhất giữa sổ điểm điện tử với hồ sơ học sinh; bố trí bộ phận thường trực hướng dẫn, giải đáp, hỗ trợ xử lý những khó khăn của học sinh, cha mẹ học sinh về mã học sinh và các nội dung khác về tuyển sinh theo quy định.

2.7. Tổ chức tuyển sinh:

a) Khi tiếp nhận hồ sơ của học sinh, cán bộ tuyển sinh phải kiểm tra kỹ hồ sơ, đặc biệt phải kiểm tra sự trùng khớp của các thông tin về cá nhân học sinh như: họ tên, ngày sinh, nơi sinh...trong Giấy khai sinh, Sổ hộ khẩu, Học bạ (đối với lớp 6), dữ liệu tuyển sinh trực tuyến (nếu có). Nếu thấy trùng khớp cán bộ tuyển sinh phải ghi xác nhận vào mặt sau bản sao Giấy khai sinh **“Đã kiểm tra khớp với bản chính Sổ hộ khẩu và hồ sơ tuyển sinh”**, sau đó ký và ghi rõ họ tên; Hiệu trưởng ký và đóng dấu xác nhận. Bản sao Giấy khai sinh có xác nhận này sẽ là căn cứ để ghi vào hồ sơ học tập, văn bằng, chứng chỉ sau này. Cán bộ tuyển sinh và Hiệu trưởng phải chịu trách nhiệm về việc kiểm tra và xác nhận trên.

b) Trong thời gian tuyển sinh các trường tuyệt đối không được thu hoặc vận động cha mẹ học sinh đóng góp các khoản ngoài quy định cho nhà trường.

c) Thực hiện nghiêm túc quy định, quy trình tuyển sinh và hạn chế ở mức cao nhất việc tuyển sinh trái tuyến, đặc biệt đối với các trường đã tuyển đủ chỉ tiêu được giao.

d) Chủ động phối hợp với cơ quan Y tế địa phương và các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 theo đúng chỉ đạo của Trung ương, Thành phố (trong trường hợp đến thời điểm tổ chức kỳ tuyển sinh năm học 2021-2022 vẫn còn ảnh hưởng bởi dịch Covid-19).

2.8. Kết thúc tuyển sinh các trường lập danh sách học sinh đã tuyển thông qua hệ thống hỗ trợ tuyển sinh trực tuyến, gửi kết quả tuyển sinh cho UBND xã, thị trấn và báo cáo với phòng GDĐT.

### 3. Công an huyện

3.1. Chỉ đạo Công an các xã, thị trấn chủ động phối hợp với các nhà trường trong công tác tuyển sinh; có phương án quản lý nhân khẩu, hộ khẩu hợp lý, thống nhất, tạo điều kiện giúp cho công tác tuyển sinh của các nhà trường được chính xác và khoa học.

3.2. Chỉ đạo Công an các xã, thị trấn phối hợp, tạo điều kiện cho các nhà trường tổ chức điều tra số trẻ trong độ tuổi tuyển sinh trên địa bàn đảm bảo chính xác, làm cơ sở để phân tuyến tuyển sinh một cách khoa học. Số liệu điều tra về số học sinh trong độ tuổi tuyển sinh của các trường trên địa bàn phải được Công an xã, thị trấn xác nhận và chịu trách nhiệm về tính chính xác, là một cơ sở để Phòng GDĐT tham mưu UBND huyện trong công tác phân tuyến tuyển sinh.

3.3. Tăng cường phối hợp với Phòng GDĐT trong công tác kiểm tra về tuyển sinh trên địa bàn; đảm bảo công tác tuyển sinh trên địa bàn được ổn định, an toàn, khách quan, minh bạch.

#### **4. Các xã, thị trấn trên địa bàn huyện**

4.1. Phối hợp trong công tác điều tra số trẻ trên địa bàn, xác nhận kế hoạch, phương án tuyển sinh của các trường; giám sát công tác tuyển sinh tại các trường mầm non, tiểu học, THCS trên địa bàn xã, thị trấn.

4.2. Có trách nhiệm tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về công tác tuyển sinh, phối hợp với các ngành đảm bảo an ninh, trật tự trong thời gian tuyển sinh.

## **II. Lịch triển khai và chế độ báo cáo**

<b>Thời gian</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Nội dung</b>
Trước 15/4	Trường MN, TH, THCS	Rà soát, hoàn thiện thông tin học sinh phục vụ tuyển sinh trên hệ thống tuyển sinh trực tuyến (mã học sinh, họ tên, ngày sinh, nơi sinh, hộ khẩu thường trú, nơi cư trú thực tiễn...)
Chậm nhất 26/4	Trường MN, TH, THCS	Hoàn thiện công tác điều tra cơ bản số học sinh trong độ tuổi tuyển sinh
Trước 10/5	Trường MN, TH, THCS	Nộp kế hoạch tuyển sinh năm học 2021-2022 và danh sách học sinh trong độ tuổi tuyển sinh trên địa bàn (DS có xác nhận của UBND và Công an xã, thị trấn) về Phòng GDĐT
	Phòng GDĐT	Gửi hướng dẫn, mẫu phiếu đăng ký dự tuyển vào lớp 6 song bằng về các trường TH, THCS.
Ngày 13/5	Trường MN, TH, THCS	Gửi công văn đề nghị Danh sách hội đồng tuyển sinh về Phòng GDĐT
Ngày 18/5	Phòng GDĐT	Trình kế hoạch tuyển sinh cho UBND huyện phê duyệt
Ngày 20/5	Trường MN, TH, THCS	Nhận tại Phòng GDĐT Quyết định thành lập hội đồng tuyển sinh và Kế hoạch tuyển sinh đã được UBND Huyện phê duyệt.
Chậm nhất 24/5	Trường TH	Thu phiếu đăng ký nguyện vọng dự tuyển vào lớp 6 song bằng (nếu có)

Ngày 25/5	Phòng GDĐT	Nộp kế hoạch tuyển sinh về Sở GDĐT
Trước 28/5	Trường MN, TH, THCS	Hoàn thành cấp mã số học sinh cho CMHS
Chậm nhất 28/5	Phòng GDĐT	Hoàn thành cập nhật phân tuyến và chỉ tiêu tuyển sinh của các trường trên địa bàn vào hệ thống tuyển sinh trực tuyến; tổ chức kiểm dò, in, ký xác nhận và nộp Sở GDĐT.
	Trường tiểu học	Nộp phiếu đăng ký nguyện vọng dự tuyển vào lớp 6 song bằng (nếu có) cho phòng GDĐT (trường photo 1 bản để lưu)
Từ 29/5 đến 22/7	Trường ngoài công lập	Tổ chức tuyển sinh và cập nhật hồ sơ học sinh lên hệ thống
Ngày 04/6	Phòng GDĐT	Nộp phiếu và danh sách đăng ký dự tuyển vào lớp 6 song bằng (nếu có) cho Sở GDĐT
Từ 18/6-20/6	Sở GDĐT, Phòng GDĐT, các trường, CMHS	Thử nghiệm tuyển sinh trực tuyến toàn thành phố (lần 1)
Từ 24/6	Sở GDĐT, Phòng GDĐT, các trường, CMHS	Thử nghiệm tuyển sinh trực tuyến toàn thành phố (lần 2)
Trước 30/6	Phòng GDĐT	Hoàn thiện điều chỉnh cập nhật phân tuyến, chỉ tiêu trong hệ thống tuyển sinh trực tuyến (nếu có); Sở GDĐT đóng hệ thống tuyển sinh trực tuyến từ ngày 1/7 đến 11/7 để chuẩn bị vận hành chính thức.
Từ 12/7-20/7	Trường MN, TH, THCS	<b>Tuyển sinh trực tuyến:</b> - Tuyển sinh vào lớp 1: từ ngày 12/7/2021 đến hết ngày 14/7/2021. - Tuyển sinh trẻ 5 tuổi vào trường mầm non: từ ngày 15/7/2021 đến hết ngày 17/7/2021. - Tuyển sinh vào lớp 6: từ ngày 18/7/2021 đến hết ngày 20/7/2021.
Từ 23/7-28/7	Trường MN, TH, THCS	Tuyển sinh trực tiếp vào các trường MN, lớp 1, lớp 6
Ngày 29/7	Trường MN, TH, THCS	Báo cáo phòng GDĐT kết quả tuyển sinh; đề xuất được tuyển bổ sung nếu còn chỉ tiêu.
Từ 30/7-01/8	Phòng GDĐT	Phòng GDĐT phê duyệt đề xuất tuyển sinh bổ sung của nhà trường.



	Trường MN, TH, THCS	Tuyển sinh trực tiếp vào trường mầm non, lớp 1, lớp 6 (đợt bổ sung - nếu có).
Ngày 03/8	Trường MN, TH, THCS	Hoàn thành cập nhật dữ liệu tuyển sinh vào phần mềm sổ điểm điện tử.
Ngày 06/8	Trường MN, TH, THCS	Nộp Phòng GDĐT báo cáo chính thức về công tác tuyển sinh
Ngày 09/8	Phòng GDĐT	Nộp Sở GDĐT báo cáo chính thức về công tác tuyển sinh

Trên đây là kế hoạch tuyển sinh vào các trường mầm non, lớp 1, lớp 6 trên địa bàn huyện Gia Lâm năm học 2021-2022 của UBND huyện. Trong quá trình tổ chức thực hiện, khi có những vấn đề vướng mắc, Thủ trưởng các đơn vị cần báo cáo về UBND huyện (qua phòng Giáo dục và Đào tạo) để có sự chỉ đạo, giải quyết kịp thời./.

**Nơi nhận:**

- Sở GDĐT Hà Nội;
- Huyện ủy, HĐND, UBND huyện;
- Công an huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Các bộ phận phòng GDĐT;
- HẾTS trường MN, TH, THCS;
- Lưu: VT, PGDĐT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Hồng



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN GIA LÂM**  
(Mẫu Phụ lục 1a)

**GIAO CHỈ TIÊU VÀ PHÂN TUYỂN TUYỂN SINH MẦM NON NĂM HỌC 2021-2022**  
(Kèm theo kế hoạch số *A.30./KH-UBND* ngày *20/5/2021* của UBND huyện Gia Lâm)

Loại hình	TT	Tên trường	Số HS qua điều tra trên địa bàn					Số HS hiện có trong trường của năm học 2020-2021					Chỉ tiêu tuyển mới năm học 2021-2022					Phân tuyển tuyển sinh theo khu vực (xã, phường, ....)
			Số HS trong độ tuổi nhà trẻ	Số HS 3 tuổi	Số HS 4 tuổi	Số HS 5 tuổi	Tổng số HS qua điều tra	Nhà trẻ	MG 3 tuổi	MG 4 tuổi	MG 5 tuổi	Tổng cộng	Số HS vào nhà trẻ	Số HS vào MG 3 tuổi	Số HS vào MG 4 tuổi	Số HS vào MG 5 tuổi	Tổng số chỉ tiêu tuyển mới	
1	2	3	4	5	6	7	8=4+5+6+7	9	10	11	12	13=9+10+11+12	14	15	16	17	18=14+15+16+17	19
<b>Công lập</b>	1	Phù Đồng	209	200	227	215	851	0	90	187	193	470	90	100	40	10	240	Xã Phù Đồng
	2	Trung Mậu	125	104	113	108	450	6	54	77	82	219	54	21	11	15	101	Xã Trung Mậu
	3	Yên Viên	198	169	184	195	746	0	62	118	158	338	60	78	30	15	183	Thị trấn Yên Viên
	4	Hoa Sữa	185	181	200	176	742	0	96	148	170	414	90	45	30	6	171	Xã Yên Viên
	5	Đình Xuyên	190	207	199	185	781	0	80	157	154	391	90	25	20	10	145	Xã Đình Xuyên
	6	Dương Hà	89	113	114	116	432	6	61	96	103	266	54	44	25	13	136	xã Dương Hà
	7	Yên Thường	90	140	144	150	524	0	31	112	113	256	60	50	15	5	130	Thôn Xuân Dục, Yên Khê, Liên đàm, Lại
	8	Hoa Hồng	105	142	185	164	596	0	66	99	123	288	60	30	40	15	145	Thôn Đình Vỹ, Đỗ Xá, Yên Thường, Quy
	9	Ninh Hiệp	201	205	208	196	810	13	64	139	163	379	68	75	45	15	203	Thôn 1,2,3,4,5,6 - xã Ninh Hiệp
	10	Bình Minh	190	193	197	191	771	7	53	136	157	353	66	77	35	9	187	Thôn 5,6,7,8,9 - xã Ninh Hiệp
	11	Dương Xá	212	230	203	236	881	7	101	147	149	404	83	50	35	11	179	Xã Dương Xá
	12	Kim Sơn	193	217	239	245	894	0	70	190	225	485	60	50	20	5	135	Xã Kim Sơn
	13	Dương Quang	250	240	245	220	955	0	101	190	203	494	90	89	40	17	236	Xã Dương Quang
	14	Phú Thị	135	150	170	148	603	10	52	112	130	304	76	64	48	18	206	Xã Phú Thị
	15	Cổ Bi	183	200	243	287	913	15	63	150	170	398	60	45	45	10	160	Thôn cam 1, Cam 2, Thôn Vàng 1, Vàng 2, Thôn Hội, Tổ DP Số 1 - xã Cổ Bi
	16	Trâu Quỳ	185	181	224	255	845	5	95	120	180	400	95	45	55	10	205	TDP Chính Trung, An Lạc, Thành Trung, Nông Lâm, Vườn Dâu, Kiên Thành, Cứu Việt - TT Trâu Quỳ
	17	Quang Trung	124	118	96	72	410	40	12	24	15	91	14	35	24	15	88	TDP Cứu Việt, An Đào, Đào Nguyên - TT Trâu Quỳ

Loại hình	TT	Tên trường	Số HS qua điều tra trên địa bàn					Số HS hiện có trong trường của năm học 2020-2021					Chỉ tiêu tuyển mới năm học 2021-2022					Phân tuyến tuyển sinh theo khu vực (xã, phường, ....)
			Số HS trong độ tuổi nhà trẻ	Số HS 3 tuổi	Số HS 4 tuổi	Số HS 5 tuổi	Tổng số HS qua điều tra	Nhà trẻ	MG 3 tuổi	MG 4 tuổi	MG 5 tuổi	Tổng cộng	Số HS vào nhà trẻ	Số HS vào MG 3 tuổi	Số HS vào MG 4 tuổi	Số HS vào MG 5 tuổi	Tổng số chỉ tiêu tuyển mới	
	18	Đặng Xá	193	215	198	201	807	6	75	160	165	406	75	90	20	12	197	Xã Đặng Xá
	19	Ánh Sao	290	288	367	374	1319	0	35	112	180	327	27	20	48	36	131	Các TDP Khu đô thị Đặng Xá thuộc xã Đặng Xá
	20	Hoa Phượng	24	72	82	81	259	1	22	33	40	96	75	60	60	50	245	TDP Voi Phục, Kiên Trung (cũ), Bình Minh - TT Trâu Quỳ; Các TDP Khu đô thị Đặng Xá thuộc xã Cổ Bi
	21	Lệ Chi	197	163	202	162	724	8	80	187	152	427	92	50	3	10	155	Xã Lệ Chi
	22	Văn Đức	129	128	126	124	507	47	87	109	106	349	72	35	9	10	126	Xã Văn Đức
	23	Đa Tốn	201	195	210	200	806	52	83	187	193	515	56	100	20	7	183	Xã Đa Tốn
	24	Đông Dur	127	110	122	142	501	5	75	100	135	315	49	18	22	7	96	Xã Đông Dur
	25	Bát Tràng	97	102	154	162	515	21	95	144	128	388	60	7	10	30	107	Xã Bát Tràng
	26	Kim Lan	98	95	121	103	417	12	58	95	92	257	42	35	10	8	95	Xã Kim Lan
	27	Kiều Kỵ	169	163	233	218	783	5	81	115	135	336	76	30	10	10	126	Xã Kiêu Kỵ
	<b>Tổng Công lập</b>		<b>4389</b>	<b>4521</b>	<b>5006</b>	<b>4926</b>	<b>18842</b>	<b>266</b>	<b>1842</b>	<b>3444</b>	<b>3814</b>	<b>9366</b>	<b>1794</b>	<b>1368</b>	<b>770</b>	<b>379</b>	<b>4311</b>	
Ngoài CL	1	TT Ban Mai	0	0	0	0	0	0	25	25	20	70	25	16	10	5	56	
	2	TT Hoa Sen	0	0	0	0	0	12	21	18	19	70	15	10	10	6	41	
	3	TT Hoa Hồng	0	0	0	0	0	12	46	61	103	222	15	10	30	5	60	
	4	MN A- Đxá	0	0	0	0	0	15	25	50	50	140	40	20	25	10	95	
	5	TT Sao Mai	0	0	0	0	0	25	27	25	22	99	20	10	10	5	45	
	6	Vinschool Ocean Park	0	0	0	0	0		72	99	83	254	90	50	30	30	200	
	<b>Tổng Ngoài CL</b>		<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>64</b>	<b>216</b>	<b>278</b>	<b>297</b>	<b>855</b>	<b>205</b>	<b>116</b>	<b>115</b>	<b>61</b>	<b>497</b>	
	<b>Tổng Quận, Huyện</b>		<b>4389</b>	<b>4521</b>	<b>5006</b>	<b>4926</b>	<b>18842</b>	<b>330</b>	<b>2058</b>	<b>3722</b>	<b>4111</b>	<b>10221</b>	<b>1999</b>	<b>1484</b>	<b>885</b>	<b>440</b>	<b>4808</b>	

**Lưu ý:** Các nhà trường chỉ tuyển sinh DT 3 đối với các trường hợp đã đăng ký tạm trú từ ngày 01/5/2021 trở về trước.

ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN GIA LÂM  
(Mẫu Phụ lục 1b)

GIAO CHỈ TIÊU VÀ PHÂN TUYỂN TUYỂN SINH LỚP 1 NĂM HỌC 2021-2022  
(Kèm theo kế hoạch số 170./KH-UBND ngày 20.../5/2021 của UBND huyện Gia Lâm)

Loại hình	TT	Tên trường	Số hs trong độ tuổi TS qua điều tra trên địa bàn	Chỉ tiêu		Phân tuyển tuyển sinh theo khu vực (xã, phường, ....)	Ghi chú	Số HS/Lớp
				Số lớp	Số HS			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
Công lập	1	Yên Thường	220	6	220	Thôn Đình Vỹ, Đỗ Xá, Dốc Lã, Yên Thường, Quy mông, Trùng Quán, Yên Khê (Xã Yên Thường)		36.7
	2	Quang Trung	160	4	160	Thôn Xuân dục, Liên Đàm, Lại Hoàng (Xã Yên Thường)		40.0
	3	Yên Viên	160	4	160	Thôn Lã Côi, Yên Viên, Ái Mộ, TT Đầu máy, Hóa chất, Bưu điện, tái định cư Yên Hà - xã Yên Viên		40.0
	4	TT Yên Viên	280	7	280	TDP Vân, Liên Cơ, Yên Hà, Yên tân, Tiền Phong, Yên Bắc, Hoàn Bình, Liên Cơ - TT Yên Viên		40.0
	5	Tiền phong	246	6	246	TDP Thái Bình, Đuống 1, Đuống 2, TT Ga, Tổ Ga - TT Yên Viên Thôn Kim Quan, Cống Thôn, TT Cơ Khí, Hồ Cầu Đuống, TT Giấy da - xã Yên Viên		41.0
	6	Dương Hà	140	4	140	Xã Dương Hà		35.0
	7	Đình Xuyên	188	5	188	Xã Đình Xuyên		37.6
	8	Ninh Hiệp	264	7	264	Các thôn: 1,2,3,4,5 - Xã Ninh Hiệp		37.7
	9	Lê Ngọc Hân	216	6	216	Các thôn: 6,7,8,9 - Xã Ninh Hiệp		36.0
	10	Phù Đồng	253	6	253	Xã Phù Đồng		42.2
	11	Trung Mầu	129	3	129	Xã Trung Mầu		43.0
	12	Lệ Chi	191	5	191	Xã Lệ Chi + Trường may; Nông trường Toàn Thắng		38.2
	13	Kim Sơn	240	6	240	Xã Kim Sơn		40.0
	14	Dương Quang	267	6	267	Xã Dương Quang		44.5
	15	Phú Thị	168	4	168	Xã Phú Thị + Khu công nghiệp Phú Thị		42.0
	16	Đặng Xá	185	5	185	Xã Đặng Xá		37.0
	17	Dương Xá	286	7	286	Xã Dương Xá		40.9
	18	Cao Bá Quát	315	7	315	Các TDP Khu Đô thị Đặng Xá thuộc xã Đặng Xá		45.0

Loại hình	TT	Tên trường	Số hs trong độ tuổi TS qua điều tra trên địa bàn	Chỉ tiêu		Phân tuyến tuyển sinh theo khu vực (xã, phường, ....)	Ghi chú	Số HS/Lớp
				Số lớp	Số HS			
	19	Trung Thành	199	5	199	TDP Voi phục, Bình Minh, Kiên Trung cũ (nay thuộc Kiên Thành) - TT Trâu Quỳ; các TDP Khu đô thị Đặng xá thuộc xã Cổ Bi		39.8
	20	Cổ Bi	179	5	179	Các thôn, tổ dân phố trên địa bàn xã Cổ Bi (trừ các TDP trong khu đô thị Đặng Xá)		35.8
	21	Kiêu Ky	271	6	271	Xã Kiêu Ky		45.2
	22	Đa Tốn	270	6	270	Xã Đa Tốn		45.0
	23	TT Trâu Quỳ	200	5	200	TDP Cửu Việt, Chính Trung, Kiên Thành, Đào Nguyên - TT Trâu Quỳ		40.0
	24	Nông Nghiệp	160	4	160	TDP An Lạc, Thành Trung, Vườn Dâu, Nông Lâm, An Đào - TT Trâu Quỳ		40.0
	25	Đông Dư	147	3	147	Xã Đông Dư		49.0
	26	Bát Tràng	200	5	200	Xã Bát Tràng		40.0
	27	Kim Lan	111	3	111	Xã Kim Lan		37.0
	28	Văn Đức	141	4	141	Xã Văn Đức		35.3
	<b>Tổng C.lập</b>		<b>5786</b>	<b>144</b>	<b>5786</b>			<b>40.2</b>
Ngoài công lập	1	TH&THCS HaNoi Victoria		3	97			32.3
	2	TH,THCS&TH PT Vinschool Ocean Park		10	300			30.0
	<b>Tổng Ngoài CL</b>			<b>13</b>	<b>397</b>			<b>30.5</b>
<b>Tổng Quận, Huyện</b>			<b>5786</b>	<b>157</b>	<b>6183</b>			<b>39.4</b>

**Lưu ý:** Các nhà trường chỉ tuyển sinh DT 3 đối với các trường hợp đã đăng ký tạm trú từ ngày 01/5/2021 trở về trước.

ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN GIA LÂM  
(Mẫu Phụ lục 1c)

GIAO CHỈ TIÊU VÀ PHÂN TUYỂN TUYỂN SINH LỚP 6 NĂM HỌC 2021-2022  
(Kèm theo kế hoạch số 170/KH-UBND ngày ...22.../5/2021 của UBND huyện Gia Lâm)

Loại hình	TT	Tên trường	Số hs trong độ tuổi TS qua điều tra trên địa bàn	Chỉ tiêu		Phân tuyển tuyển sinh theo khu vực (xã, phường, ....)	Ghi chú	Số HS/Lớp
				Số lớp	Số HS			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
Công lập	1	Cao Bá Quát	265	6	265	Các TDP Khu đô thị Đặng Xá thuộc xã Đặng Xá		44.2
	2	Cổ Bi	317	8	317	Xã Cổ Bi: Thôn Vàng, Thôn Cam, Thôn Hội, TT cầu 12, TT đường bộ 230, TTXD Hồng Hà, TDP cơ khí xây dựng, TDP Khu đô thị Đặng Xá thuộc xã Cổ Bi; TDP Voi Phục, Bình Minh, Kiên Trung cũ (nay là Kiên Thành) thuộc TT Trâu Quỳ		39.6
	3	Đặng Xá	153	4	153	Các thôn thuộc xã Đặng Xá ( Thôn Lờ, Lờ, Đồng Xuyên, Hoàng Long, Viên Ngoại, Nhân Lễ, Kim Âu, An Đà, Cự Đà, Đặng )		38.3
	4	Dương Quang	231	5	231	Xã Dương Quang		46.2
	5	Dương Xá	231	6	231	Xã Dương Xá		38.5
	6	Kim Sơn	219	5	219	Xã Kim Sơn, đường 181 (kéo dài từ phố keo đến Nông trường Toàn Thắng)		43.8
	7	Lệ Chi	173	4	173	Xã Lệ Chi		43.3
	8	Phú Thị	168	4	168	Xã Phú Thị		42
	9	Bát Tràng	146	3	146	Xã Bát Tràng		48.7
	10	Đông Du	110	3	110	Xã Đông Du		36.7
	11	Kim Lan	89	3	89	Xã Kim Lan		29.7
	12	Văn Đức	103	3	103	Xã Văn Đức		34.3
	13	Đa Tốn	270	6	270	Xã Đa Tốn		45
	14	TT Trâu Quỳ	310	7	310	Tổ dân phố An Đào, An Lạc, Chính Trung, Cửu Việt, Đào Nguyên, Kiên Thành, Nông Lâm, Thành Trung, Vườn Dâu, Dốc Hội		44.3
	15	Kiều Kỵ	217	5	217	Xã Kiêu Kỵ		43.4
	16	Dương Hà	134	3	134	Xã Dương Hà		44.7
	17	Đình Xuyên	163	4	163	Xã Đình Xuyên: Thôn 1,2,3, Thôn Tề xuyên 1,2		40.8
	18	Ninh Hiệp	332	7	332	Xã Ninh Hiệp		47.4
	19	Phù Đổng	244	6	244	Xã Phù Đổng		40.7
	20	Yên Thường	320	7	320	Xã Yên Thường		45.7
	21	Trung Mậu	82	2	82	Xã Trung Mậu		41

Loại hình	TT	Tên trường	Số hs trong độ tuổi TS qua điều tra trên địa bàn	Chỉ tiêu		Phân tuyến tuyển sinh theo khu vực (xã, phường, ....)	Ghi chú	Số HS/Lớp
				Số lớp	Số HS			
	22	TT Yên Viên	362	8	362	TT Yên Viên (Tổ Đuống I, Đuống II, Thái Bình, Tổ Ga, Vân, Yên Tân, Yên Hà, Tiền Phong, Liên Cơ; TT nhà máy cơ khí Yên Viên, TT Giày da Yên Viên; Thôn Kim Quan, Cống thôn thuộc xã Yên Viên, Tổ Yên Bắc, Hoà Bình thuộc xã Đình Xuyên		45.3
	23	Yên Viên	117	3	117	Xã Yên Viên (Thôn Lã Côi, Yên Viên, Thôn Ái Mộ, khu TT Địa chất, Dầu máy, Bưu điện, Khu dân cư Hồ Cầu Đuống)		39
	<b>Tổng C.lập</b>		<b>4756</b>	<b>112</b>	<b>4756</b>			<b>42.5</b>
Ngoài CL	1	TH&THCS HaNoi Victoria		1	24			24
	2	TH,THCS&THPT Vinschool Ocean Park		4	120			30
	<b>Tổng Ngoài CL</b>		<b>0</b>	<b>5</b>	<b>144</b>			<b>28.8</b>
<b>Tổng Quận, Huyện</b>			<b>4756</b>	<b>117</b>	<b>4900</b>			<b>41.9</b>

**Lưu ý:** Các nhà trường chỉ tuyển sinh DT 3 đối với các trường hợp đã đăng ký tạm trú từ ngày 01/5/2021 trở về trước.

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN GIA LÂM**

**GIAO CHỈ TIÊU VÀ PHÂN TUYỂN TUYỂN SINH MẦM NON NĂM HỌC 2020-2021**

(Kèm theo kế hoạch số 170./KH-UBND ngày 22/...5.../2021 của UBND huyện Gia Lâm)

Biểu cụ thể số lớp từng lứa tuổi của từng trường

TT	Trường	Số lớp, phòng học					Số trẻ tuyển mới					TS sau tuyển sinh	Tỷ lệ trẻ/lớp				Phân tuyển tuyển sinh theo khu vực
		TS	Nhà trẻ	MG 3 tuổi	MG 4 tuổi	MG 5 tuổi	Nhà trẻ 2019	MG 3 tuổi 2018	MG 4 tuổi 2017	MG 5 tuổi 2016	Tổng số		Nhà trẻ 2019	MG 3 tuổi 2018	MG 4 tuổi 2017	MG 5 tuổi 2016	
1	Phù Đổng	21	3	6	6	6	90	100	40	10	240	710	30	31,67	37,83	33,83	xã Phù Đổng
2	Trung Mậu	9	2	2	2	3	54	21	11	15	101	320	30	37,5	44	32,33	Xã Trung Mậu
3	Yên Viên	15	2	4	4	5	60	78	30	15	183	521	30	35	37	34,6	Thị trấn Yên Viên
4	Hoa Sữa	15	3	3	4	5	90	45	30	6	171	585	30	47	44,5	35,2	Xã Yên Viên
5	Đình Xuyên	16	3	3	5	5	90	25	20	10	145	536	30	35	35,4	32,8	Xã Đình Xuyên
6	Dương Hà	13	2	3	4	4	54	44	25	13	136	402	30	35	30,25	29	xã Dương Hà
7	Yên Thường	14	3	3	4	4	60	50	15	5	130	386	20	27	31,75	29,5	Thôn Xuân Dục, Yên Khê, Liên Đàm, Lại Hoàng - xã Yên Thường
8	Hoa Hồng	13	2	3	4	4	60	30	40	15	145	433	30	32	34,75	34,5	Thôn Đình Vỹ, Đỗ Xá, Yên Thường, Quy Mông, Trùng Quán, Dốc Lã - xã Yên Thường
9	Ninh Hiệp	19	3	5	6	5	68	75	45	15	203	582	27	27,8	30,67	35,6	Thôn 1,2,3,4,5,6 - xã Ninh Hiệp
10	Bình Minh	17	3	4	5	5	66	77	35	9	187	540	24,3	32,5	34,2	33,2	Thôn 5,6,7,8,9 - xã Ninh Hiệp
11	Dương Xá	19	3	5	6	5	83	50	35	11	179	583	30	30,2	30,33	32	Xã Dương Xá
12	Kim Sơn	16	2	3	5	6	60	50	20	5	135	620	30	40	42	38,33	Xã Kim Sơn
13	Dương Quang	22	3	6	6	7	90	89	40	17	236	730	30	31,67	38,33	31,43	Xã Dương Quang
14	Phú Thị	17	3	4	5	5	76	64	48	18	206	510	28,7	29	32	29,6	Xã Phú Thị
15	Cổ Bi	18	3	4	6	5	60	45	45	10	160	558	25	27	32,5	36	Thôn cam 1, Cam 2, Thôn vàng 1, Vàng 2, Thôn hội, Tổ DP Số 1 - xã Cổ Bi
16	Trâu Quỳ	18	3	5	5	5	95	45	55	10	205	595	30	28	35	38	TDP Chính Trung, An Lạc, Thành Trung, Nông Lâm, Vườn Dâu, Kiên Thành, Cứu Việt - TT Trâu Quỳ



TT	Trường	Số lớp, phòng học					Số trẻ tuyển mới					TS sau tuyển sinh	Tỷ lệ trẻ/lớp				Phân tuyến tuyển sinh theo khu vực
		TS	Nhà trẻ	MG 3 tuổi	MG 4 tuổi	MG 5 tuổi	Nhà trẻ 2019	MG 3 tuổi 2018	MG 4 tuổi 2017	MG 5 tuổi 2016	Tổng số		Nhà trẻ 2019	MG 3 tuổi 2018	MG 4 tuổi 2017	MG 5 tuổi 2016	
17	Quang Trung	10	2	2	3	3	14	35	24	15	88	291	12,5	37,5	30	33,67	TDP Cửu Việt, An Đào, Đào Nguyên - TT Trâu Quỳ
18	Đặng Xá	19	3	5	5	6	75	90	20	12	197	603	27	33	36	29,5	Xã Đặng Xá
19	Ánh Sao	14	1	2	5	6	27	20	48	36	131	458	27	27,5	32	36	Khu đô thị Đặng Xá - xã Đặng Xá
20	Hoa Phượng	12	3	3	3	3	75	60	60	50	245	341	25,3	27,33	31	30	TDP Voi Phục, Kiên Trung, Bình Minh - TT Trâu Quỳ, TDP 1,2,3,4 KĐT Đặng Xá - xã Cổ Bi
21	Lệ Chi	20	4	5	6	5	92	50	3	10	155	582	25	26	31,67	32,4	Xã Lệ Chi
22	Văn Đức	15	4	4	4	3	72	35	9	10	126	475	29,8	30,5	29,5	38,67	Xã Văn Đức
23	Đa Tôn	22	4	6	6	6	56	100	20	7	183	698	27	30,5	34,5	33,33	Xã Đa Tôn
24	Đông Dư	13	2	3	4	4	49	18	22	7	96	411	27	31	30,5	35,5	Xã Đông Dư
25	Bát Tràng	16	3	4	5	4	60	7	10	30	107	495	27	25,5	30,8	39,5	Xã Bát Tràng
26	Kim Lan	11	2	3	3	3	42	35	10	8	95	352	27	31	35	33,33	Xã Kim Lan
27	Kiều Ky	16	3	4	4	5	76	30	10	10	126	462	27	27,75	31,25	29	Xã Kiêu Ky
Tổng số		430	74	104	125	127	1794	1368	770	379	4311	13779	737	853,9	922,7	33,57	